

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2017

Tên trường: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG**

Mã trường: **TAG**

Trụ sở: 18 Ung Văn Khiêm, P. Đông Xuyên, TP. Long Xuyên, T. An Giang;

Điện thoại:

+ Phòng Hành chính – Tổng hợp: 0766.256565, 0763.942678;

+ Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng: 0763.847567;

+ Phòng Đào tạo: 0763. 846074.

Website: <http://www.agu.edu.vn>;

1. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành tại Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phạm vi tuyển sinh

- Các ngành ngoài sư phạm: Tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long;

- Các ngành sư phạm: Bậc đại học tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và quận Thốt Nốt, huyện Vĩnh Thạnh (TP. Cần Thơ).

- Bậc cao đẳng chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh An Giang.

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển từ kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia (Riêng các ngành có thi năng khiếu thi tổ chức thi thêm bài thi năng khiếu).

4. Ngành đào tạo, chỉ tiêu, mã tổ hợp xét tuyển

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển
1	52140202	Giáo dục Tiểu học	100	A00, A01, C00, D01
2	52140205	GD Chính trị	40	C00, D01,
3	52140209	SP Toán học	40	A00, A01
4	52140211	SP Vật lý	40	A00, A01
5	52140211	SP Vật lý (CN Vật lý - Công nghệ)	40	A00, A01
6	52140212	SP Hóa học	40	A00, B00
7	52140213	SP Sinh học	40	B00
8	52140217	SP Ngữ văn	40	C00
9	52140218	SP Lịch sử	40	C00
10	52140219	SP Địa lý	40	C00
11	52140231	SP Tiếng Anh	40	D01
12	52340101	Quản trị Kinh doanh	80	A00, A01, D01
13	52340201	Tài chính-Ngân hàng	60	A00, A01, D01
14	52340203	Tài chính Doanh nghiệp	80	A00, A01, D01
15	52340301	Kế toán	80	A00, A01, D01
16	52380101	Luật	90	C00, D01
17	52420201	Công nghệ Sinh học	70	A00, A01, B00
18	52480103	Kỹ thuật Phần mềm	60	A00, A01, D01
19	52480201	Công nghệ Thông tin	60	A00, A01, D01
20	52510406	Công nghệ Kỹ thuật môi trường	60	A00, A01, B00
21	52540101	Công nghệ Thực phẩm	60	A00, A01, B00
22	52620105	Chăn nuôi	60	A00, A01, B00
23	52620110	Khoa học Cây trồng	70	A00, A01, B00
24	52620112	Bảo vệ Thực vật	100	A00, A01, B00
25	52620116	Phát triển Nông thôn	70	A00, A01, B00
26	52620301	Nuôi trồng Thủy sản	50	A00, A01, B00

27	52220113	Việt Nam học (VH du lịch)	50	A01, C00, D01
28	52220201	Ngôn ngữ Anh	80	D01
29	52310106	Kinh tế Quốc tế	50	A00, A01, D01
30	52850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	80	A00, A01, B00
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG- NHÓM NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN				
1	51140201	Giáo dục Mầm non	60	M00
2	51140202	Giáo dục Tiểu học	60	A00, A01, C00, D01
3	51140206	Giáo dục Thể chất	30	T00
4	51140221	Sư phạm Âm nhạc	20	N00
5	51140222	Sư phạm Mỹ thuật	20	H00
6	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	50	D01
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG- NHÓM NGÀNH NGOÀI SƯ PHẠM				
1		Kế toán	40	A00, A01, D01
2		Quản trị kinh doanh	40	A00, A01, D01
3		Nuôi trồng thủy sản	40	A00, A01, B00
4		Chăn nuôi	40	A00, A01, B00
5		Khoa học cây trồng	40	A00, A01, B00
6		Phát triển nông thôn	40	A00, A01, B00
7		Bảo vệ thực vật	40	A00, A01, B00
8		Công nghệ thực phẩm	40	A00, A01, B00
9		Công nghệ sinh học	40	A00, A01, B00
10		Sinh học ứng dụng	40	A00, A01, B00
11		Công nghệ thông tin	40	A00, A01, D01
12		Việt Nam học (VH du lịch)	40	A01, C00, D01

(*): Mã tổ hợp: mã tổ hợp được quy định như sau:

Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp
Toán, Vật lí, Hóa học	A00	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01
Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01	Toán, Sinh học, Năng khiếu TDTT	T00
Toán, Hóa học, Sinh học	B00	Ngữ văn, NK1, NK 2	N00
Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00	Ngữ văn, NK vẽ NT1, NK vẽ NT2	H00

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2017 của Trường Đại học An Giang bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (sẽ bổ sung sau khi có kết quả thi THPT quốc gia).

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Mã số trường: **TAG**.

- Mã ngành: Như bảng ở **mục 4**.

- Trường Đại học An Giang xét tuyển theo ngành: Điểm xét tuyển vào các ngành theo tổ hợp môn đã quy định. Đối với những ngành có nhiều tổ hợp môn xét tuyển, điểm xét tuyển của các tổ hợp môn là như nhau (không có sự chênh lệch).

7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT: Trường Đại học An Giang nhận hồ sơ ĐKXT từng đợt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trường Đại học An Giang không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp để tuyển sinh;

- Đối với các ngành có thi năng khiếu (Giáo dục Mầm non; Giáo dục thể chất; Sư phạm Âm nhạc; Sư phạm Mỹ thuật) ngoài các môn thi văn hóa (kỳ thi THPT quốc gia) thí sinh còn phải dự thi thêm các bài thi năng khiếu:

+ Ngành Giáo dục Mầm non: Bài thi năng khiếu gồm 3 phần:

(1) Hát tự chọn: Thí sinh hát một bài hát tự chọn lời Việt, theo các chủ đề: quê hương, người mẹ, tuổi trẻ, mùa xuân, trường học (Những bài hát được phép phổ biến của Bộ Văn hóa,

Thể thao và Du lịch). Thí sinh không được sử dụng micro và nhạc đệm. Thời gian hát không quá 3 phút.

(2) Đọc diễn cảm: Thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một trong những truyện dành cho lứa tuổi mẫu giáo để đọc diễn cảm.

(3) Kể chuyện theo tranh: Thí sinh bốc thăm ngẫu nhiên một trong những tranh có chủ đề và dựa vào tranh để kể một chuyện ngắn phù hợp.

+ Ngành Giáo dục Thể chất:

Thi các phần: Chạy 30 m; Bật xa tại chỗ; Dẻo gập thân; Kiểm tra thể hình.

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc:

Thi các môn: Môn 1: Hát; Môn 2: Thăm âm - Tiết tấu.

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật:

Thi các môn: Môn 1: Hình họa; Môn 2: Trang trí.

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thi năng khiếu từ 01/6/2017 đến 28/6/2017.

- Hồ sơ đăng ký thi năng khiếu bao gồm: Đơn xin dự thi (mẫu lấy trên trang thông tin điện tử của Trường), phí đăng ký dự thi và 2 ảnh 4x6. Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường (Phòng Khảo thí & Kiểm định chất lượng, địa chỉ: số 18 đường Ung Văn Khiêm, Phường Đông Xuyên, Tp. Long Xuyên, T. An Giang).

8. Chính sách ưu tiên:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành tại Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường không quy định thêm.

9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa

Ngành	Năm 2017	Lộ trình tăng học phí theo năm		
		2018	2019	2020
Hệ Cao đẳng				
Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	5.300.000	5.800.000	6.400.000	7.000.000
Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	6.300.000	6.900.000	7.700.000	8.500.000
Hệ Đại học				
Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	7.400.000	8.100.000	8.900.000	9.800.000
Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	8.700.000	9.600.000	10.600.000	11.700.000